

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HS-ST
Ngày: 13 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh
Ông Đặng Đình Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bá Linh, ông Đoàn Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2020/TLST-HS ngày 19/03/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HS ngày 25/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/HSST - QĐ, ngày 18/6/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn Th**; sinh ngày: 12 tháng 9 năm 1988 tại Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT: thôn Trại Hà, xã Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Th và bà Phạm Thị L; có vợ là Trần Thị Th và 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/03/2012, Tòa án nhân dân huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều) xử phạt 18 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, năm 2014 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và phần án phí hình sự sơ thẩm của bản án. Bị cáo bị bắt truy nã ngày 6/6/2019, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn Thoại: Luật sư Phạm Văn Lợi – Công ty Luật Việt Trung – Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Phạm Duy Th1 – sinh ngày 25/12/1992; Địa chỉ: Thôn Đồn Sơn, xã Yên Đức, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

+ Anh Nguyễn Đức C – sinh ngày 18/9/1988; Địa chỉ: Khu Gia Mô, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

+ Anh Nguyễn Quang Ch – sinh ngày 03/4/1991; Địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã Tân Việt, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (*có đơn xin vắng mặt*).

+ Bà Nguyễn Thị Ch – sinh ngày 16/5/1967; Địa chỉ: Thôn Đồn Sơn, xã Yên Đức, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (*có đơn xin vắng mặt*).

+ Anh Phạm Văn C – sinh ngày 13/9/1983; Địa chỉ: Tổ 1, khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (*có đơn xin vắng mặt*).

+ Anh Nguyễn Bá Tùng L – sinh ngày 14/10/1995; Địa chỉ: Khu Vĩnh Trung, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Người làm chứng:*

+ Chị Trần Thị Th – sinh ngày 03/6/1990; Địa chỉ: Thôn Trại Hà, xã Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến đầu năm 2018, Vũ Văn Th làm công việc mua bán thu gom than xít, đá đen và tập kết tại một bãi đất trong khu vực 906, khai trường Công ty cổ phần than 397 Bộ Quốc Phòng, thuộc địa phận xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Cũng trong thời gian này, Th đã nhận tiền trong việc góp vốn mua máy xúc, tiền đặt cọc mua đá đen than xít; nợ tiền thu mua than, đá đen, vay mượn tiền và nợ tiền cước xe của nhiều người. Từ ngày 16/02/2019 (mùng 1 Tết âm lịch 2018), Th đã bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh trách nhiệm thanh toán các khoản tiền, tài sản, dịch vụ đã nhận được của các bị hại. Cụ thể:

Vụ thứ nhất (Việc chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Quang Ch - Sinh năm 1991 - Trú tại: thôn Tân Thành, xã Tân Việt, thị xã Đông Triều): Cuối năm

2016, anh Phạm Duy Th1 có nhu cầu mua lại chiếc máy xúc nhãn hiệu COBE 210, của chú họ là ông Phạm Văn S, với giá 580.000.000 đồng để bốc xúc đất đá thuê kiếm lời. Do không đủ tiền, anh Th1 đã rủ Vũ Văn Th góp chung tiền để mua chiếc máy xúc, Th đồng ý và góp với anh Th1 150.000.000 đồng, anh Th1 góp 250.000.000 đồng; Số tiền 180.000.000 đồng còn lại Th và anh Th1 thỏa thuận với nhau trong quá trình làm ăn sẽ gom dần tiền để Th1 trả cho ông S; Đồng thời anh Th1 và Th cũng thỏa thuận: Th sử dụng chiếc máy xúc để bốc xúc đá đen, than xít ở bãi của Th, hàng tháng trả cho anh Th1 20.000.000 đồng tiền thuê máy.

Cũng trong thời gian này, sau khi Th đã chung tiền với anh Th1 mua chiếc máy xúc trên, thì anh Nguyễn Quang Ch (là bạn của Th) có đặt vấn đề với Th muốn góp vốn với Th để làm ăn. Th đồng ý và cho anh Ch góp 200.000.000 đồng để cùng kinh doanh bằng chiếc máy xúc trên. Th cũng thỏa thuận với anh Ch hàng tháng Th sẽ trả cho anh Ch từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng tiền lãi, anh Ch nhất trí. Ngày 27/12/2016, anh Ch đã đưa cho Th số tiền 200.000.000 đồng và viết giấy giao nhận tiền với nội dung anh Ch góp chung tiền mua máy xúc, khi anh Ch có nhu cầu rút vốn thì trong vòng 01 tháng, Th phải trả số vốn đã góp cho anh Ch.

Sau khi nhận tiền của anh Ch, do khoản nợ chung tiền mua chiếc máy xúc với anh Th1 chưa phải trả ngay, nên số tiền 200.000.000 đồng anh Ch góp với Th, Th đem sử dụng vào những việc khác. Trong thời gian đầu sử dụng máy xúc, Th đã trả anh Ch được 25.000.000 đồng tiền lãi và nhiều tháng sau không trả. Thấy việc góp vốn không hiệu quả và không có lãi, nên anh Ch đã đòi Th tiền vốn góp. Đầu năm 2018, Th đã trả anh Ch số tiền 130.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau sẽ trả số tiền 70.000.000 đồng còn lại. Sau đó, anh Ch đã nhiều lần gọi điện cho Th đòi lại số tiền, nhưng Th không trả mà bỏ trốn. Đến ngày 12/6/2019, sau khi biết Th bị bắt, anh Ch đến Cơ quan Công an trình báo.

Đối với chiếc máy xúc COBE 210 Th và anh Th1 mua của ông S: Sau khi Th bỏ trốn, đến tháng 4/2019 anh Th1 đã lấy mang đi sửa chữa và bán được 480.000.000 đồng. Số tiền này, anh Th1 đã trả ông S 180.000.000 đồng còn nợ khi mua máy và trừ chi phí sửa chữa là 20.000.000 đồng, thì anh Th1 và Th mỗi người còn là 140.000.000 đồng. Phần tiền của Th, anh Th1 dùng trừ nợ cho số tiền Th còn nợ anh Th1 06 tháng tiền thuê máy xúc là 120.000.000 đồng, chỉ còn 20.000.000 đồng anh Th1 vẫn giữ hộ Th. Ông S đã nhận đủ số tiền 180.000.000 đồng do anh Th1 trả khi bán chiếc máy xúc.

Như vậy, từ thỏa thuận góp vốn kinh doanh máy xúc Vũ Văn Th đã nhận được của anh Nguyễn Quang Ch số tiền 200.000.000 đồng sau đó bằng thủ đoạn gian dối và bỏ trốn, Th đã chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng trong số tiền góp vốn nêu trên của anh Ch.

Vụ thứ hai (Việc chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị Ch - Sinh năm 1967 - Trú tại: thôn Đồn Sơn, xã Yên Đức, thị xã Đông Triều): Trong năm 2017 đến đầu năm 2018, Vũ Văn Th có làm ăn thu mua đá đen, than xít với nhiều người, trong đó có bà Nguyễn Thị Ch. Trong quá trình mua bán đá đen, than xít với bà Ch, hai bên có sổ sách ghi chép. Chốt nợ đến ngày 23/01/2018, Th còn nợ chưa thanh toán số than xít và đá đen do bà Ch cung cấp trị giá tương đương số tiền 260.000.000 đồng. Do nợ tiền nhiều người không có tiền trả, ngày 16/02/2018, Th bỏ trốn khỏi địa phương, trốn tránh trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho bà Ch.

Ngày 12/6/2019, sau khi Th bị bắt giữ, bà Ch trình báo Cơ quan Công an. Anh Phạm Duy Th1 (con trai bà Ch) giao nộp quyền vớ ô ly bên trong có nội dung việc mua bán than, xít, đá đen giữa Th và bà Ch. Đồng thời ngày 12/6/2019, chị Trần Thị Th (vợ bị can Th) giao nộp 02 giấy chốt nợ giữa Th và bà Ch đến ngày 23/01/2018 Th còn nợ bà Ch số tiền 260.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 176 ngày 31/12/2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Chữ viết trong quyền vớ ô ly (do anh Phạm Duy Th1 giao nộp), là do Nguyễn Thị Ch, Vũ Văn Th và Trần Thị Th viết ra.

Như vậy, từ việc thỏa thuận mua đá đen, than xít của bà Nguyễn Thị Ch, Vũ Văn Th đã nhận được lượng than xít và đá đen do bà Ch cung cấp trị giá tương đương số tiền 260.000.000 đồng, sau đó bằng thủ đoạn gian dối và bỏ trốn, Th đã chiếm đoạt số tiền 260.000.000 đồng của bà Ch..

Vụ thứ ba (Việc chiếm đoạt tiền của anh Phạm Văn C - Sinh năm 1983 - Trú tại: Tổ 1, khu Vĩnh Tuy 2, thị xã Đông Triều): Tháng 12/2017, Vũ Văn Th thỏa thuận bán cho anh Phạm Văn C bãi đá đen khoảng 2 đến 3 vạn khối ở khu vực 906, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, với giá 1.700.000.000 đồng. Anh C đã đồng ý và chuyển cho Th làm nhiều lần tổng số 1.700.000.000 đồng theo giá cả hai bên thỏa thuận. Sau khi giao đủ tiền cho Th, anh C cho máy vào làm thì bị bà Nguyễn Thị Ch ngăn cản vì Th và bà Ch đang có tranh chấp số đá đen này. Do không mua được đá đen của Th, nên anh C yêu cầu Th hoàn trả lại số tiền 1.700.000.000 đồng cho mình. Th hẹn với anh C đến đầu tháng 02/2018 sẽ trả, anh

C đồng ý và cho Th viết giấy nhận nợ số tiền này dưới dạng hợp đồng mua bán và thuê xe ô tô. Sau đó anh C nhiều lần đòi tiền, gia đình Th đã trả cho anh C 400.000.000 đồng, còn nợ lại 1.300.000.000 đồng. Từ ngày 16/02/2018, Th bỏ trốn khỏi địa phương trốn tránh trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ của anh C.

Tháng 3/2018, anh C trình báo sự việc đến Công an thị xã Đông Triều. Đến tháng 4/2018, Th trở về địa phương thì bị Công an thị xã Đông Triều triệu tập đến làm việc. Tại buổi làm việc, Th thừa nhận có nợ anh C số tiền 1.300.000.000 đồng và xin dần xếp hứa với anh C trong tháng 4/2018 sẽ trả hết số tiền, anh C đồng ý và không yêu cầu Công an thị xã Đông Triều giải quyết nữa. Đến hẹn, Th không có tiền trả cho anh C, tiếp tục bỏ trốn cắt liên lạc để chiếm đoạt số tiền này. Đến ngày 11/7/2019, khi biết Th bị bắt, anh C đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh (Bức lục số 128, 201 - 207).

Tại Kết luận giám định số 132 ngày 30/9/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Chữ viết trong 02 giấy hợp đồng mua bán và thuê xe ô tô ngày 21/01/2018 là do Vũ Văn Th viết ra.

Như vậy, thông qua việc thỏa thuận mua bán bãi đã đen và xít ở khu vực 906, xã Hoàng Quế thị xã Đông Triều, Vũ Văn Th đã nhận của anh Phạm Văn C số tiền 1.700.000.000đ, do có tranh chấp dẫn đến việc mua bán không thành, Th mới trả lại anh C số tiền 400 triệu đồng, còn lại 1.300.000.000đồng Th bỏ trốn không tiếp tục thực hiện trách nhiệm thanh toán cho anh C.

Vụ thứ tư (Việc chiếm đoạt tiền của anh Phạm Duy Th1 - Sinh năm 1992 - Trú tại: thôn Đồn Sơn, xã Yên Đức, thị xã Đông Triều): Ngoài việc chung tiền mua chiếc máy xúc với anh Phạm Duy Th1 như đã nêu trên. Ngày 13/12/2017, do cần tiền làm ăn nên Th vay anh Th1 số tiền 600.000.000 đồng, Th viết giấy biên nhận hẹn đến ngày 01/3/2018 trả lại số tiền, không tính lãi. Việc viết giấy vay tiền có sự chứng kiến của anh Trần Văn S, Phó trưởng Công an xã Yên Đức (Bút lục số 77). Ngày 16/02/2018, Th đã bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi không tìm được Th để đòi tiền, ngày 03/9/2018 anh Th1 đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an và giao nộp tờ “Giấy mượn tiền”.

Tại Kết luận giám định số: 7176 ngày 31/01/2019, của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Chữ ký, chữ viết trong tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 13/12/2017 là do Vũ Văn Th viết ra.

Như vậy, bằng việc trực tiếp vay tiền mặt của anh Phạm Duy Th1, Vũ Văn Th đã nhận được số tiền 600.000.000 đồng và viết giấy vay mượn tiền, nhưng sau đó Th bỏ trốn chiếm đoạt số tiền này.

Ngoài những vụ chiếm đoạt tiền của những người nêu trên, trong thời gian làm thu gom mua bán đá đen, từ giữa năm 2017 đến đầu năm 2018, Vũ Văn Th còn thuê xe ô tô biển kiểm soát (BKS): 98C - 159.20 của anh Nguyễn Đức C (Sinh năm 1988 - Trú tại: Khu Gia Mô, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều); Xe ô tô BKS: 14C - 200.61 của anh Phạm Hồng G (Sinh năm 1997 - Trú tại: Thôn Thọ Sơn, xã Yên Thọ, thị xã Đông Triều) và xe ô tô BKS: 14C - 196.11 của anh Nguyễn Bá Tùng L (Sinh năm 1995 - Trú tại: Khu Vĩnh Trung, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều) để vận chuyển than, đá đen từ bãi của Th ở khu vực 906, xã Hoàng Quế xuống các Cảng than tư nhân ở khu vực Bến Đụn, xã Yên Đức. Việc vận chuyển than, đá đen từ bãi thải của Th xuống các Cảng, anh C, anh L, anh G đều ghi chép sổ theo dõi từng chuyến và có chữ ký ở đầu bãi của Th và chữ ký ở đầu bến nhận. Quá trình này, Th nợ tiền cước xe anh C là **34.380.000 đồng**; nợ anh L là **19.700.000 đồng** và nợ anh G **25.000.000 đồng** (trong đó: 15.000.000 đồng tiền cước xe và 10.000.000 đồng cho vay). Do nợ nhiều người với lượng tiền lớn, ngày 16/02/2018 Th bỏ trốn khỏi địa phương. Khi biết Th bị bắt các anh C và anh L có đơn trình báo Cơ quan Công an giao nộp sổ ghi chép; Riêng anh G không có trình báo chỉ yêu cầu Th trả nợ 25.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 09 ngày 07/01/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Chữ viết “Th” ở trang số 03 và số 06 sổ ghi chép do anh Nguyễn Đức C giao nộp là do Vũ Văn Th viết ra.

Như vậy, thông qua việc thuê dịch vụ vận chuyển đá đen than xít, Vũ Văn Th đã nợ tiền cước xe của anh C là 34.380.000 đồng và nợ anh L là 19.700.000 đồng, sau đó Th bỏ trốn chiếm đoạt số tiền này.

Quá trình điều tra, Th chỉ thừa nhận nợ anh Phạm Văn C số tiền 1.300.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị Ch số tiền 260.000.000 đồng và nợ anh Nguyễn Quang Ch số tiền 70.000.000 đồng. Còn về số tiền 600.000.000 đồng vay anh Th1, Th khai báo quanh co, ban đầu thừa nhận có nợ và mượn anh Th1 số tiền này, nhưng sau đó Th lại khai: Sau khi Th viết giấy vay tiền anh Th1, anh Th1 không đưa tiền mặt cho Th mà tính vào khoản tiền nợ trong làm ăn mua bán đá đen giữa Th với anh Th1 và bà Ch, tháng 01 và tháng 02/2018, Th đã phải trả 02 tháng tiền lãi cho anh Th1 và bà Ch với số tiền 18.000.000 đồng/tháng cho khoản nợ này.

Đối với việc chung tiền mua chiếc máy xúc với anh Th1, Th khai nại ra rằng trước khi bỏ trốn, Th đã trả ông Sự 100.000.000 đồng, số tiền này lấy từ số tiền anh Ch đưa. Tuy nhiên, không có căn cứ để xác định điều này. Ngoài ra, Th còn khai không nợ tiền cước xe anh Phạm Hồng G; Không biết và không làm ăn với anh Nguyễn Đức C và anh Nguyễn Bá Tùng L. Lý do bỏ trốn, Th nại ra việc bị anh Th1, anh C, anh G đe dọa đánh, dọa giết gia đình vợ con nên mới bỏ trốn. Tuy nhiên, quá trình điều tra không có căn cứ xác định Th bị đe dọa.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSQN-P2 ngày 12/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Vũ Văn Th về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn Th có lời khai tương tự như trong quá trình điều tra, thừa nhận còn nợ anh Phạm Văn C số tiền 1.300.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ch số tiền 260.000.000 đồng và anh Nguyễn Quang Ch số tiền 70.000.000 đồng; Đồng thời, khai nhận còn nợ tiền cước vận chuyển của anh Nguyễn Đức C là 34.380.000 đồng; nợ anh L là 19.700.000 đồng – như cáo trạng đã nêu. Riêng đối với khoản tiền 600.000.000đ ghi mượn của anh Th1, theo Giấy mượn tiền ngày 13/12/2017, Vũ Văn Th vẫn khẳng định thực tế không có việc mượn tiền, nhưng bị cáo chấp nhận trả cho anh Th1 số tiền 600.000.000đ; Vì tương ứng với số tiền mà bị cáo Th còn nợ tiền hàng (đá đen, than xít) của anh Th1. Bị cáo Vũ Văn Th khai nhận từ Tết âm lịch 2018 đã bỏ trốn về quê vợ ở huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam để trốn tránh trách nhiệm trả nợ; Bị cáo thừa nhận bị truy tố đúng người, đúng tội; Chấp nhận nghĩa vụ trả nợ cho những người bị hại với số tiền cụ thể như cáo trạng đã nêu.

Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo còn khai: số tiền 1,7 tỉ đồng nhận của anh Phạm Văn C, thì bị cáo đã đưa cho anh Ph 01 tỉ đồng (*là người làm chung với bị cáo, ở thị xã Đông Triều nhưng không rõ địa chỉ cụ thể*) và do kinh doanh thua lỗ, vì bị ngăn cản và chất lượng hàng không bảo đảm, dẫn đến không trả được nợ cho các bị hại.

Người bị hại anh Phạm Duy Th1, Nguyễn Đức C có mặt tại phiên tòa, cũng như các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, đều yêu cầu bị cáo Vũ Văn Th phải có trách nhiệm trả lại cho họ số tiền đã chiếm đoạt. Riêng anh Th1 vẫn khẳng định đã cho bị cáo Th vay 600.000.000đ; Đồng thời, khẳng định bị cáo không bán được hàng cho anh C là do chất lượng không đạt yêu cầu và thực tế bị cáo không bị thua lỗ

nhiều như vậy; Bị cáo đã dùng tiền của mọi người để mua nhà, mua xe ô tô bán tải (nhưng không có bằng chứng cụ thể để chứng minh).

Chị Trần Thị Th - là vợ bị cáo Thoại tại phiên tòa xác nhận việc đã đưa tiền cho anh Ph và không thấy có việc Th nhận được tiền 600.000.000đ vay của anh Th1. Ngoài ra, chị Th cũng khẳng định giống như bị cáo Th cho rằng, có số điện thoại lạ gọi đe dọa vì không trả tiền còn nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn Th từ 13 đến 14 năm tù; Đồng thời, đề nghị buộc bị cáo phải trả cho những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt như cáo trạng đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm như sau: số tiền bị cáo còn nợ bà Ch 260.000.000đ và nợ anh Th1 600.000.000đ – là tiền hàng bị cáo chưa bán được, bị cáo chưa chiếm đoạt; Đồng thời, đề nghị xem xét số tiền cược vận chuyển còn nợ và số đá đen anh Phạm Văn C đã lấy đi 1 phần, để quy trách nhiệm của bị cáo đúng với thực tế; Mặt khác, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá các chứng cứ, tài liệu bảo vệ quan điểm truy tố và giữ nguyên đề nghị về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn Th.

Người bị hại anh anh Phạm Duy Th1, Nguyễn Đức C đồng tình với quan điểm và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Vũ Văn Th không tranh luận bổ sung. Trong lời nói sau, cùng bị cáo chỉ xin giảm nhẹ mức hình phạt, để được hưởng mức án thấp nhất sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn Th thừa nhận số tiền nợ anh Phạm Văn C 1.300.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ch 260.000.000 đồng và anh Nguyễn Quang Ch 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn Th thừa nhận khoản nợ tiền cước vận chuyển của anh Nguyễn Đức C 34.380.000 đồng; anh Nguyễn Bá Tùng L 19.700.000 đồng; Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của anh Phạm Văn C, Bà Nguyễn Thị Ch, anh Nguyễn Quang Ch, Nguyễn Đức C và anh Nguyễn Bá Tùng L về số tiền Th chiếm đoạt và chưa trả cho những người bị hại.

Đối với số tiền 600.000.000 đồng, thể hiện vay của Phạm Duy Th1, bị cáo cho rằng thực chất không phải vay mượn mà là tiền hàng còn nợ; Nhưng bị cáo chấp nhận trả cho anh Th1 số tiền 600.000.000đ, vì tương ứng với số tiền mà bị cáo Th còn nợ tiền hàng anh Th1. Thấy rằng, việc chấp nhận của bị cáo phù hợp với nội dung “Giấy mượn tiền” đề ngày 13/12/2017, thể hiện Vũ Văn Th mượn số tiền 600.000.000 đồng của anh Phạm Duy Th1, hạn đến ngày 01/3/2018 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền, Th ghi rõ tinh thần tinh táo, minh mẫn, không bị ai ép buộc ký giấy vay mượn, việc ký giấy này có người làm chứng là ông Trần Văn S - phó trưởng Công an xã Yên Đức và Kết luận giám định chữ ký số 7176 ngày 31/01/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an đã kết luận chữ ký, chữ viết trong tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 13/12/2017, là do Vũ Văn Th trực tiếp viết ra. Nên yêu cầu của anh Phạm Duy Th1 buộc Vũ Văn Th phải trả số tiền này là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; Lời khai nhận của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng; phù hợp với các Kết luận giám định, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến ngày 21/01/2018, tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Văn Th đã có hành vi nhận của anh Nguyễn Quang Ch số tiền 70.000.000 đồng; của bà Nguyễn Thị Ch tài sản (than xít, đá đen), trị giá 260.000.000 đồng; của anh Phạm Văn C số tiền 1.300.000.000 đồng; của anh Phạm Duy Th1 số tiền 600.000.000 đồng để kinh doanh và nợ tiền thuê vận chuyển của các anh Nguyễn Đức C số tiền 34.380.000 đồng và anh Nguyễn Bá Tùng L số tiền 19.700.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ, nên bị cáo Vũ Văn Th đã bỏ trốn, để trốn tránh trách nhiệm thanh toán.

Tổng số tiền Thoại chiến đoạt của những người trên là **2.284.080.000 đ** (Hai tỷ, hai trăm tám mươi tư triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Vũ Văn Th đã cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng bảo vệ, mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xét xử nghiêm và có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vũ Văn Th phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên có căn cứ áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Toàn bộ số tiền bị cáo Vũ Văn Th đã chiếm đoạt của những người bị hại cần phải buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường hoàn trả. Cụ thể buộc bị cáo Vũ Văn Th phải bồi thường cho: anh Nguyễn Quang Ch số tiền 70.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ch số tiền 260.000.000 đồng; anh Phạm Văn C số tiền 1.300.000.000 đồng; anh Phạm Duy Th1 số tiền 600.000.000 đồng; anh Nguyễn Đức C số tiền 34.380.000 đồng; anh Nguyễn Bá Tùng L số tiền 19.700.000 đồng;

Đối với số tiền 25.000.000 đồng (10.000.000 đồng anh G cho Th vay và 15.000.000 đồng tiền cước xe), anh G không trình báo, không yêu cầu xử lý Th và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về số tiền này, nên không đề cập.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố Bị cáo Vũ Văn Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn Th** 13 (mười ba) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt truy nã 06/6/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Vũ Văn Th phải bồi thường trả cho anh Nguyễn Quang Ch số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng); bà Nguyễn Thị Ch số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm, sáu mươi triệu đồng); anh Phạm Văn C số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm triệu đồng); anh Phạm Duy Th1 số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng); anh Nguyễn Đức C số tiền 34.380.000 đồng (ba mươi tư triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng); anh Nguyễn Bá Tùng L số tiền 19.700.000 đồng (mười chín triệu, bảy trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Văn Th phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 77.681.600 đồng (*bảy mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi một nghìn sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại, báo quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tt;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh QN;
- Công an tỉnh QN;
- Trại tạm giam CA tỉnh QN
- THA, Lưu HCTP,
- Toà hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương